

Số: /BC-UBND

Ngọc Lặc, ngày tháng 7 năm 2024

Dự thảo

BÁO CÁO

Kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn nông thôn mới năm 2024 đối với xã Vân Am, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Ban hành Quy định, điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định 211/QĐ-TTG ngày 01/03/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi một số tiêu chí, chỉ tiêu của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới (NTM), Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao, Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM nâng cao giai đoạn 2021- 2025; bổ sung tiêu chí huyện NTM đặc thù, không có đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 624-QĐ/TU ngày 23/7/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Thanh Hoá về ban hành Chương trình phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 1810/QĐ-UBND ngày 26/5/2022 của UBND tỉnh Thanh Hoá Về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 246/QĐ-UBND ngày 15/01/2024 UBND tỉnh Thanh Hoá Về việc điều chỉnh Kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021-2025 tại Quyết định số 1810/QĐ-UBND ngày 26/5/2022 của UBND tỉnh Thanh Hoá;

Căn cứ Quyết định số 25/2024/QĐ-UBND ngày 26/6/2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2024 - 2025;

Trên cơ sở đề nghị của UBND xã Vân Am tại Tờ trình số 94/TTr-UBND ngày 15/7/2024 về việc thẩm tra, đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2024.

UBND huyện Ngọc Lặc báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn xã nông thôn mới năm 2024 đối với xã Vân Am, cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THẨM TRA

Thời gian thẩm tra: Từ ngày 15/7/2024 đến ngày 24/7/2024.

1. Về hồ sơ

Nội dung, thành phần hồ sơ đã được UBND xã Vân Am thực hiện đảm bảo đầy đủ và đúng theo quy định tại Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ, gồm:

- Tờ trình số: 94/TTr-UBND ngày 15/7/2024 của UBND xã đề nghị thẩm tra, xét, công nhận xã đạt chuẩn NTM;

- Biên bản cuộc họp ngày 14/5/2024 của UBND xã đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn NTM;

- Báo cáo số 175/BC-UBND ngày 13/7/2024 của UBND xã về kết quả thực hiện xây dựng xã NTM (*kèm theo biểu chi tiết kết quả thực hiện các tiêu chí xã NTM*);

- Báo cáo số 174/BC-UBND ngày 13/7/2024 của UBND xã về tổng hợp ý kiến tham gia của Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội của xã đối với kết quả thực hiện xây dựng NTM;

- Báo cáo số 173/BC-UBND ngày 13/7/2024 của UBND xã về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản thuộc Chương trình MTQG xây dựng NTM trên địa bàn xã;

- Hình ảnh minh họa về kết quả xây dựng NTM của xã.

2. Về kết quả chỉ đạo thực hiện xây dựng xã nông thôn mới

Thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới Đảng bộ, chính quyền và nhân dân xã Vân Am đã bám sát chủ trương, chính sách, hướng dẫn của các cấp, phát huy nội lực, tranh thủ hỗ trợ từ cấp trên và bên ngoài, vận động nhân dân tích cực tham gia chương trình xây dựng nông thôn mới; Trong quá trình tổ chức thực hiện đã xuất hiện nhiều cách làm hay, hiệu quả thiết thực, nhiều gương điển hình trong phong trào chung tay xây dựng nông thôn mới, phát huy tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, với phương châm **“dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra và dân hưởng thụ”**.

Cuộc sống người dân nông thôn được cải thiện, số hộ nghèo giảm, hạ tầng kinh tế, xã hội nông thôn được tăng cường, từng bước đáp ứng nhu cầu sản xuất và đời sống của cư dân nông thôn; nhiều mô hình phát triển sản xuất theo hướng

kinh tế hàng hóa, đem lại hiệu quả; các hoạt động văn hoá - thể thao và học tập trong cộng đồng được khôi phục, duy trì và phát triển, y tế giáo dục tiếp tục được chăm lo; môi trường nông thôn đã từng bước được cải thiện; an ninh trật tự và an toàn xã hội được đảm bảo; diện mạo làng, xã đã có nhiều khởi sắc, nhân dân phấn khởi và tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng, với sự nỗ lực cố gắng vào cuộc của cả hệ thống chính trị và người dân trên địa bàn xã đến nay xã đã hoàn thành được 19/19 tiêu chí NTM.

3. Về kết quả thực hiện và mức độ đạt chuẩn các tiêu chí xã nông thôn mới

3.1. Tiêu chí số 1 về Quy hoạch

a. Yêu cầu tiêu chí:

Xã được công nhận đạt tiêu chí Quy hoạch khi đáp ứng đủ 02 yêu cầu sau:

- Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của xã giai đoạn 2021-2025 (trong đó có quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn) và được công bố công khai đúng thời hạn.

- Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch

b. Kết quả thực hiện tiêu chí:

Chỉ tiêu 1.1. Xã Vân Am có quy hoạch chung xây dựng xã được UBND huyện Ngọc Lặc phê duyệt tại Quyết định số 2445/QĐ-UBND ngày 04/08/2022 về việc phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng xã Vân Am, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030. Quy hoạch phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của xã giai đoạn 2021-2025, trong đó có quy hoạch khu trung tâm, khu dân cư tập trung, khu vực sản xuất nông nghiệp, khu thương mại, dịch vụ sản xuất kinh doanh, khu vực dịch vụ, công cộng.

Xã Vân Am đã tổ chức công bố công khai quy hoạch, niêm yết tại các khu vực trung tâm của xã như công sở xã, trường học, các nhà văn hóa thôn...

Hồ sơ công bố công khai gồm: Bản đồ Quy hoạch chung xây dựng xã Vân Am đến năm 2030, Sơ đồ định hướng phát triển không gian toàn xã...

Chỉ tiêu 1.2. Sau khi phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng xã Vân Am huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, UBND huyện Ngọc Lặc đã ban hành Quyết định số 3498/QĐ-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2022 về việc ban hành “Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Vân Am, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030”, UBND xã Vân Am đã và đang thực hiện theo quy hoạch được phê duyệt.

c. Đánh giá tiêu chí: Đạt theo quy định

3.2. Tiêu chí số 2 về Giao thông

a. Yêu cầu tiêu chí:

- Tỷ lệ đường xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm đạt 100% (Chiều rộng mặt đường $\geq 3,5\text{m}$; chiều rộng nền đường $\geq 6,5\text{m}$);

- Tỷ lệ đường thôn, bản và đường liên thôn, bản ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm 100% (trong đó: $\geq 70\%$ bê tông hóa hoặc nhựa hóa đạt chiều rộng mặt đường $\geq 3,0\text{m}$, chiều rộng nền đường $\geq 4,0\text{m}$);

- Tỷ lệ đường ngõ, xóm sạch và đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm 100% (trong đó: $\geq 70\%$ bê tông hóa hoặc nhựa hóa đạt chiều rộng mặt đường $\geq 3,0\text{m}$, chiều rộng nền đường $\geq 4,0\text{m}$);

- Tỷ lệ đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm 100% (trong đó: $\geq 60\%$ bê tông hóa đạt chiều rộng mặt đường $\geq 3,0\text{m}$, chiều rộng nền đường $\geq 4,0\text{m}$);

b. Kết quả thực hiện tiêu chí:

Hàng năm công tác xây dựng, phát triển cơ sở hạ tầng đã được các cấp, các ngành quan tâm chỉ đạo, Nhân dân tích cực đóng góp tiền, ngày công, đất đai, hoa màu... cùng với nguồn vốn hỗ trợ của Nhà nước đầu tư xây dựng. Đánh giá theo bộ tiêu chí đến nay tiêu chí giao thông xã Vân Am đã đạt theo quy định của bộ tiêu chí, cụ thể:

Chỉ tiêu 2.1. Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện đã bê tông hóa và nhựa hóa được 19,73 km/19,73 km đạt tỷ lệ 100%.

Chỉ tiêu 2.2. Tỷ lệ đường thôn, liên thôn được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm. Trong đó đường thôn và liên thôn bê tông hóa được 30,8 km/43,8 km = 70,31 %; đạt so với quy định $\geq 70\%$.

Chỉ tiêu 2.3. Trên địa bàn xã không có đường ngõ, xóm do đường ngõ, xóm kết hợp với đường thôn.

Chỉ tiêu 2.4. Trên địa bàn xã không có đường nội đồng do đường nội đồng gắn với đường thôn.

c. Đánh giá tiêu chí: Đạt theo quy định

3.3. Tiêu chí số 3 về Thủy lợi và phòng chống thiên tai

a. Yêu cầu tiêu chí:

- Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên.

- Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ.

b. Kết quả thực hiện tiêu chí:

Hàng năm Công tác thủy lợi và phòng chống thiên tai đã được quan tâm đúng mực, đảm bảo diện tích đất sản xuất được tưới tiêu chủ động. Tổ chức ra quân đều đặn từng năm công tác làm thủy lợi mùa khô, tiến hành nạo vét kênh mương khơi thông dòng chảy đáp ứng yêu cầu tưới, tiêu phục vụ sản xuất và

dân sinh. Hàng năm Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn được kiện toàn, bổ sung theo quy định của pháp luật và có đủ nguồn nhân lực, vật tư, phương tiện chỗ đáp ứng yêu cầu trong công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tại địa phương, đảm bảo theo phương châm 4 tại chỗ. Xây dựng phương án Phòng chống thiên tai và TKCN dựa trên cơ sở kế hoạch phòng chống thiên tai đã được phê duyệt. Vì vậy, những năm gần đây cơ bản trên địa bàn xã không có thiệt hại nặng do thiên tai gây ra.

Cụ thể:

Chỉ tiêu 3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động: 175,98/175,98 ha đạt tỷ lệ 100% đạt so với quy định.

Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tiêu chủ động là 1.223,83/1.223,83 ha đạt tỷ lệ 100% đạt so với quy định.

Chỉ tiêu 3.2. Có tổ chức bộ máy thực hiện công tác phòng, chống thiên tai được thành lập và kiện toàn theo quy định của pháp luật, có nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu trong công tác phòng, chống thiên tai tại địa phương.

- Các hoạt động phòng, chống thiên tai được triển khai chủ động và có hiệu quả, đáp ứng nhu cầu dân sinh: UBND các xã đã tổ chức xây dựng, phê duyệt và triển khai thực hiện tốt Kế hoạch phòng, chống thiên tai giai đoạn 2021- 2025 và được rà soát bổ sung hàng năm; có các phương án ứng phó thiên tai phù hợp với đặc điểm thiên tai của địa phương theo đúng quy định tại Điều 15 và Điều 22, Luật PCTT.

- Có cơ sở hạ tầng thiết yếu đáp ứng nhu cầu dân sinh và đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng, chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ đạt 100% so với quy định.

c. Đánh giá tiêu chí: Đạt theo quy định

3.4. Tiêu chí số 4 về Điện

a. Yêu cầu của tiêu chí:

- Hệ thống điện đạt chuẩn;
- Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn đạt $\geq 98\%$ trở lên.

b. Kết quả thực hiện tiêu chí:

Trên địa bàn xã hiện nay tất cả các hệ thống điện đều đảm bảo yêu cầu kỹ thuật ngành điện theo Quyết định số 2332/QĐ-BCT ngày 07/11/2022 của Bộ Công thương về hướng dẫn thực hiện và xét công nhận Tiêu chí về điện trong Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới và nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2022 - 2025.

- Hệ thống cột dây 10Kv; đường 0,4Kv, có kết cấu 100% cột bê tông thép đạt chuẩn, khoảng cách chiều cao từ dây bán dẫn đến mặt đất 100% nằm trong giới hạn an toàn cho phép; hệ thống cột, xà đỡ, dây dẫn từ công tơ vào vào hộ sử

dụng điện đạt tiêu chuẩn kỹ thuật (80% là cột gỗ, tre, luồng; còn lại cột bê tông cốt thép; 100% Công tơ đo điện được đặt trong hộp nhựa composit và đặt trong hộp tôn có sơn chống gỉ đảm bảo an toàn).

- Công tơ được kiểm định và kẹp chì, hệ thống dây dẫn vào nhà bằng dây bọc cách điện, có tiết diện từ 2,5mm trở lên; 100% hộ sử dụng điện được ký hợp đồng với đơn vị quản lý vận hành; các hộ có hệ thống điện trong nhà, có đầy đủ cầu chì, áp tô mát. Hệ thống ổ cắm được đặt cố định, hệ thống dây dẫn trong nhà bằng dây bọc cách điện và được cố định an toàn.

Trên địa bàn xã Vân Am 100% các hộ dân đã được sử dụng điện và có hệ thống điện đạt chuẩn được đăng ký an toàn từ các nguồn điện lưới quốc gia.

Hiện nay, hệ thống điện của xã do Điện lực Ngọc Lặc quản lý, vận hành lưới điện trung áp và lưới điện hạ áp.

Chỉ tiêu 4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn: đạt tỷ lệ 100%.

Chỉ tiêu 4.2. Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn 1.494/1.494 đạt tỷ lệ 100%.

- UBND xã Vân Am đã phối hợp với Điện lực Ngọc Lặc thay thế, tu sửa, bảo dưỡng để cung cấp ổn định cho các hộ dân đủ điện sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh.

- Hành lang an toàn điện đảm bảo, hệ thống điện đảm bảo an toàn không xảy ra chết người, mất điện kéo dài trong mùa mưa bão; thực hiện đúng quy định quá trình sử dụng điện, không có khiếu nại, khiếu kiện và mất an toàn về điện trong thời gian qua. Hệ thống điện trên địa bàn xã đạt yêu cầu kỹ thuật của ngành điện theo quy định tại Quyết định số 2332/QĐ-BCT ngày 07/11/2022 của Bộ Công thương.

c. Đánh giá tiêu chí: Đạt theo quy định

3.5. Tiêu chí số 5 về Trường học

a. Yêu cầu của tiêu chí:

Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS; hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất theo quy định. Xã có >3 trường: 100% đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu (trong đó: $\geq 70\%$ đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1). Xã có ≤ 3 trường: 100% đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu (trong đó: $\geq 50\%$ đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1) đối với vùng 2.

b. Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Trường Mầm non có tổng diện tích là 8.894 m². Nhà trường được Chủ tịch UBND tỉnh công nhận là Trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1, theo Quyết định số 4414/QĐ-UBND ngày 12/12/2022.

- Trường Tiểu học Vân Am có tổng diện tích là 6.971 m². Nhà trường được Chủ tịch UBND tỉnh công nhận là Trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1, theo Quyết định số 4338/QĐ-UBND ngày 07/12/2022.

- Trường Tiểu học Vân Am 2 có tổng diện tích là 11.926 m². Nhà trường được Chủ tịch UBND tỉnh công nhận là Trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1, theo Quyết định số 4602/QĐ-UBND ngày 05/12/2023.

- Trường THCS Vân Am có tổng diện tích là 8.331 m². Nhà trường được Chủ tịch UBND tỉnh công nhận là Trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1, theo Quyết định số 4612/QĐ-UBND ngày 05/12/2023.

c. Đánh giá tiêu chí: Đạt theo quy định

3.6. Tiêu chí số 6 về cơ sở vật chất văn hóa

a. Yêu cầu của tiêu chí:

- Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã.

+ Quy hoạch: Bố trí được quỹ đất tối thiểu 2.500 m² đối với xã thuộc huyện đồng bằng và 1.500 m² đối với xã thuộc huyện miền núi, ở vị trí trung tâm để xây dựng Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã, đảm bảo mọi người dân trong vùng đều được sử dụng thuận lợi và dễ dàng tiếp cận. Trong đó: Diện tích đất quy hoạch của Nhà văn hóa hoặc Hội trường đa năng tối thiểu đạt 500m² đối với xã thuộc huyện đồng bằng, 300m² đối với xã thuộc huyện miền núi; Diện tích đất quy hoạch của Khu thể thao xã (chưa tính sân vận động xã) tối thiểu đạt 2000 m² đối với xã thuộc huyện đồng bằng, 1.200m² đối với xã thuộc huyện miền núi.

+ Quy mô chỗ ngồi của Nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng tối thiểu đạt 250 chỗ ngồi đối với xã thuộc huyện đồng bằng, 200 chỗ ngồi đối với xã thuộc huyện miền núi.

+ Trang thiết bị của Nhà văn hóa hoặc Hội trường đa năng và sân thể thao đạt 100% theo quy định

- Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định: đạt

- Tỷ lệ thôn, bản có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng: 100%

b. Kết quả thực hiện

Chỉ tiêu 6.1. xã Vân Am bố trí Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã nằm trong khu vực Công sở xã với diện tích 2.500 m², đảm bảo đạt theo quy định.

- Hội trường đa năng được khởi công xây dựng năm 2016, khánh thành năm 2017, đến năm 2024 đã được tu sửa nâng cấp lại. Diện tích xây dựng là 340m² với 250 chỗ ngồi. Trang thiết bị bên trong Hội trường đa năng xã được trang bị đầy đủ (đạt 100% theo quy định).

- Khu vực Hội trường đa năng xã được trồng cây xanh, trồng hoa, cây cảnh... đảm bảo cảnh quan sạch sẽ, khô thoáng, có cây xanh bóng mát, ghé ngồi nghỉ ngơi...

- Khu thể thao của xã có các trang thiết bị phục vụ cho các hoạt động TDTT xã được đảm bảo như: sân, lưới bóng chuyền, cầu lông, xà đơn, xà kép, sân kéo co... đảm bảo cho hoạt động thể dục thể thao thường xuyên theo truyền thống của địa phương.

- Đối với sân vận động xã được quy hoạch tại Thôn Tráng, xã Vân Am, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa với diện tích quy hoạch là 15.839,9 m². Xã đã có thuyết minh dự án xây dựng sân vận động bố trí các hạng mục như: Sân khấu ngoài trời; sân bóng đá, đường chạy xung quanh, khu vực đệm trồng cây xanh, cây bóng mát, tường bao quanh và có cổng, biển tên... đảm bảo không gian cho tổ chức các sự kiện Văn hóa - Thể thao của xã.

- Xã đã xây dựng kế hoạch tổ chức hoạt động sinh hoạt văn hóa cộng đồng cấp xã, thu hút đông đảo người dân tham gia sinh hoạt, hoạt động.

Chỉ tiêu 6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định: Đối với các thôn bố trí khu vui chơi, giải trí, thể thao cho trẻ em đảm bảo theo quy định

Chỉ tiêu 6.3. Sau khi thực hiện sát nhập Thôn theo Quyết định số 3110/QĐ-UBND, ngày 17/8/2018 của UBND tỉnh Thanh Hóa, xã Vân Am, huyện Lạc còn 11 Thôn. Tỷ lệ thôn, bản có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng là 11/11 thôn, tỉ lệ 100% đạt so với quy định.

- Các Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn được bố trí ở vị trí thuận tiện cho đi lại và sinh hoạt của người dân. Kiến trúc phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội và bản sắc văn hóa của địa phương. Số chỗ ngồi của Nhà văn hóa thôn đảm bảo đáp ứng phục vụ 2/3 đại diện số hộ dân của thôn. Sân khấu nhà văn hóa đảm bảo 30m² theo quy định. Trang thiết bị bên trong Nhà văn hóa - Khu thể thao của thôn được đảm bảo theo quy định như: Bộ tăng âm, âm ly, micro, loa; Bộ trang trí khánh tiết: Cờ tổ quốc, cờ Đảng, tượng Bác Hồ, phong màn sân khấu, băng khẩu hiệu, cờ trang trí...; Bàn ghế phục vụ sinh hoạt; tủ sách, tranh ảnh hoạt động thường xuyên và truyền thống, khu trưng bày vật dụng văn hóa truyền thống....; Bảng tin, nội quy hoạt động; một số dụng cụ thể thao như cầu lông, bóng chuyền, bóng đá,...Khu vực Nhà văn hóa, nơi sinh hoạt văn hóa cộng đồng và khu thể thao của 11/11 thôn được xây tường rào bao quanh tạo cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp tại các thiết chế. Vệ sinh môi trường và cảnh quan khu vực nhà văn hóa, khu thể thao thôn, đảm bảo sạch sẽ, thân thiện.

- 11/11 Nhà văn hóa được gắn biển tên: Nhà Văn hóa - Khu thể thao thôn theo quy định.

- 11/11 thôn hàng năm đã xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động VHVN - TDTT đảm bảo thu hút được tỷ lệ người dân tham gia các hoạt động tại thiết chế văn hóa thôn.

- Điều kiện, nội dung hoạt động phòng, chống đuối nước cho trẻ em đảm bảo, có đầy đủ trang thiết bị như áo phao, phao bơi. UBND xã xây dựng kế hoạch bơi và phòng, chống đuối nước cho trẻ em năm 2022, 2023, 2024 hướng dẫn các Trường học trên địa bàn xã liên kết với Trung tâm TDDT huyện để tổ chức ngoại khóa cho trẻ em ít nhất 01 lần trong năm.

c. Đánh giá tiêu chí: Đạt theo quy định.

3.7. Tiêu chí số 7 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn

a. Yêu cầu tiêu chí:

Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa: Đối với xã có trong quy hoạch chợ của tỉnh giai đoạn 2021-2025, phải xây dựng chợ đạt chuẩn theo quy định. Đối với xã không có trong quy hoạch chợ của tỉnh giai đoạn 2021-2025 hoặc có trong quy hoạch chợ của tỉnh giai đoạn sau năm 2025 và chưa có chợ thì phải có cửa hàng tổng hợp hoặc siêu thị mini đạt chuẩn theo quy định.

b. Kết quả thực hiện tiêu chí:

Trên địa bàn xã hiện nay có 01 chợ tạm theo Quyết định số 264/QĐ-SCT ngày 06/3/2023, chợ kinh doanh buôn bán các mặt hàng tiêu dùng phục vụ sinh hoạt, sản xuất hàng ngày của Nhân dân. Các mặt hàng được sắp xếp khoa học, gọn gàng theo từng khu vực, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

c. Đánh giá tiêu chí: Đạt theo quy định

3.8. Tiêu chí số 8 về Thông tin và truyền thông

a. Yêu cầu tiêu chí:

- Xã có điểm phục vụ bưu chính: đạt
- Xã có dịch vụ viễn thông, internet: đạt
- Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn: đạt
- Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành: đạt

b) Kết quả thực hiện

Chỉ tiêu 8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính: Xã có 01 điểm phục vụ bưu chính viễn thông là Bưu điện - Văn hóa xã diện tích 213 m²; Mã số hiệu 451890. Bán kính phục vụ phục vụ là 5 km; Điểm phục vụ có treo biển tên điểm phục vụ, có mặt bằng giao dịch khang trang, xanh, sạch, đẹp; Cơ sở vật chất trang thiết bị đầy đủ, đảm bảo cung ứng tốt các dịch vụ bưu chính tại địa phương, mở cửa hàng ngày phục vụ nhân dân trong và ngoài xã; cán bộ phục vụ gồm có 01 người, đảm bảo phục vụ tốt sự chỉ đạo, điều hành của chính quyền địa phương; Thực hiện niêm yết giờ mở cửa phục vụ, thời gian phục vụ mở cửa làm việc 08h/ngày làm việc; Niêm yết giờ mở cửa phục vụ và các thông tin về dịch vụ bưu chính cung ứng tại điểm phục vụ; Thực hiện niêm yết thông tin về dịch vụ bưu chính cung ứng tại điểm phục vụ, trong đó cung cấp đầy đủ các dịch vụ bưu chính công ích theo yêu cầu của Nhà nước, bao gồm: Dịch vụ thư có địa chỉ nhận, khối lượng đơn chiếc đến 02 kg. Dịch vụ gói, kiện hàng hóa: Tối thiểu

dịch vụ gói, kiện hàng hóa có khối lượng đơn chiếc đến 05 kg. Dịch vụ bưu chính phục vụ quốc phòng, an ninh. Các nhiệm vụ đặc thù khác trong lĩnh vực bưu chính; Điểm phục vụ có 01 tủ sách đặt phía ngoài quây giao dịch với hơn 50 đầu sách, bố trí bàn ghế thuận lợi để phục vụ cho người dân đọc sách báo miễn phí tại điểm bưu điện văn hóa theo quy định.

Chỉ tiêu 8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, Internet: Tất cả các thôn trên địa bàn xã đã được các doanh nghiệp viễn thông VNPT, Viettel, Mobiphone... triển khai hạ tầng, cung cấp dịch vụ điện thoại, truy nhập Internet chất lượng cao. Có 100% hộ gia đình sử dụng điện thoại, trên 85,07% hộ dùng Internet. Trên địa bàn xã có 05 trạm BTS của các doanh nghiệp Viettel, VNPT để cung cấp dịch vụ điện thoại di động, Internet qua mạng thông tin di động. Có hệ thống cáp và hộp cáp: Được lắp đặt dọc các tuyến đường ở các thôn trên địa bàn xã. Hộp cáp được lắp đặt ở 100% các thôn, Các tuyến cáp tuyến viễn thông, Internet, truyền hình treo trên cột được lắp đặt gọn gàng, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin và đảm bảo mỹ quan.

Chỉ tiêu 8.3. Xã sử dụng đài truyền thanh ứng dụng CNTT-VT, đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định, hệ thống loa đến thôn với 12 cụm loa trải đều trên địa bàn xã. Truyền thanh của xã đảm bảo 11/11 thôn và 100% hộ dân trong xã nghe được thông tin của đài truyền thanh. UBND xã ban hành đầy đủ các văn bản quản lý đài. Đài truyền thanh xã hoạt động ổn định, thường xuyên; thực hiện tiếp, phát sóng lại các Chương trình thời sự và chương trình phát thanh của Đài tiếng nói Việt Nam, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Thanh Hóa và Đài Truyền thanh huyện để phục vụ nhu cầu thông tin của Nhân dân (phát sóng 2 lần/ngày); các chương trình phát thanh được lưu trữ thông tin trong thời gian 06 tháng theo quy định. Có lập sổ nhật ký về việc phát sóng tin, bài hàng ngày.

Chỉ tiêu 8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành: Có 21/21 cán bộ, công chức của xã được trang bị máy tính phục vụ công việc; thực hiện điều hành, xử lý công việc trên hệ thống phần mềm Quản lý văn bản và hồ sơ công việc TD-Office; 100% cán bộ, công chức của xã được đào tạo, tập huấn và được cấp tài khoản sử dụng. Tỷ lệ văn bản đến được nhận, xử lý trên phần mềm Quản lý văn bản và hồ sơ công việc (Trừ các văn bản có tính mật) đạt 100%, từ ngày 01/01/2024 đến 30/6/2024 là 1.521/1.521 đạt 100%. 21/21 cán bộ, công chức được cấp hòm thư công vụ và sử dụng thường xuyên. UBND xã đã ban hành đầy đủ các văn bản, Quy định về việc sử dụng phần mềm Quản lý văn bản và hồ sơ công việc; ứng dụng phần mềm theo dõi nhiệm vụ của UBND huyện, tài khoản có địa chỉ <https://hscv.thanhhoa.gov.vn/>. Có bộ phận một cửa bố trí 03 máy tính kết nối mạng Internet, máy scan, máy in, và các thiết bị khác để phục vụ công tác tiếp nhận và trả kết quả; 100% hồ sơ thủ tục hành chính được tiếp nhận, xử lý, giải

quyết trên Hệ thống phần mềm Một cửa điện tử. Xã có trang thông tin điện tử cung cấp đầy đủ các chức năng, chuyên mục và cập nhật đầy đủ thông tin theo quy định tại địa chỉ: <https://vanam.ngoclac.thanhhoa.gov.vn>

c. Đánh giá tiêu chí: Đạt theo quy định

3.9. Tiêu chí số 9 về nhà ở dân cư

a. Yêu cầu tiêu chí:

- Nhà tạm, dột nát: không
- Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố đạt từ 85% trở lên.

b. Kết quả thực hiện tiêu chí:

Trong những năm qua Nhân dân đầu tư xây dựng, tu sửa nhà cửa, kết quả cụ thể như sau:

Chỉ tiêu 9.1. Trên địa bàn xã đến thời điểm hiện nay không còn hộ gia đình ở trong nhà tạm, dột nát.

Chỉ tiêu 9.2. Tổng số hộ có nhà ở trên địa bàn xã Vân Am là 1.494 hộ, trong đó: Số hộ có nhà ở kiên cố, hoặc bán kiên cố là 1.494 hộ/1.494 hộ = 100%. Số hộ có nhà ở đạt chuẩn theo quy định của Bộ Xây dựng là 1.303/1.494 nhà, đạt tỷ lệ 87,22%; số hộ có nhà ở chưa đạt chuẩn là 197/1.494 nhà, chiếm 13,18%.

- Thực trạng kiến trúc, cảnh, quan khu dân cư tại xã Vân Am:

+ Kiến trúc, mẫu nhà của các hộ có nhà ở đạt chuẩn Bộ xây dựng, cơ bản phù hợp với phong tục, tập quán, lối sống của người dân địa phương; vị trí bếp, công trình phụ trợ bố trí cơ bản phù hợp yêu cầu sử dụng, đảm bảo hợp vệ sinh.

+ Cảnh quan các khu dân cư của xã, cơ bản đã được chỉnh trang, đáp ứng yêu cầu xanh, sạch, đẹp; khuôn viên các hộ dân cư được sắp xếp hợp lý, thuận tiện trong sinh hoạt, đáp ứng yêu cầu trong xây dựng nông thôn mới.

c. Đánh giá tiêu chí: Đạt theo quy định

3.10. Tiêu chí số 10 về Thu nhập

a. Yêu cầu tiêu chí:

Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/người/năm):

Năm 2022: ≥ 39 triệu đồng/người/năm

Năm 2023: ≥ 42 triệu đồng/người/năm

Năm 2024: ≥ 45 triệu đồng/người/năm

Năm 2025: ≥ 48 triệu đồng/người/năm

b. Kết quả thực hiện tiêu chí:

Phát triển kinh tế nâng cao thu nhập cho người dân là một trong những nội dung quan trọng, mang tính ổn định bền vững, vừa là động lực, vừa là mục tiêu của chương trình xây dựng nông thôn mới. Ý thức được điều đó, trong những năm qua ngoài việc xây dựng ban hành các cơ chế, chính sách để khuyến khích xây dựng hạ tầng và phát triển kinh tế - xã hội còn tăng cường ứng dụng kỹ

thuật, khoa học công nghệ vào sản xuất. Chỉ đạo thực hiện kế hoạch tái cơ cấu ngành nông nghiệp; sản xuất nông nghiệp theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả bền vững, xây dựng kế hoạch chuyển đổi đất sản xuất nông nghiệp năng suất, hiệu quả thấp sang trồng các loại cây có giá trị kinh tế cao.

Song song với việc phát triển sản xuất còn khuyến khích và tạo điều kiện cho các hộ gia đình phát triển và mở rộng dịch vụ thương mại, vận tải,... tạo điều kiện để thu hút các doanh nghiệp vào đầu tư khai thác và thu mua lâm sản,... tạo việc làm và nâng cao thu nhập cho Nhân dân, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, số hộ giàu và khá tăng, cơ cấu lao động chuyển dịch hợp lý.

Thu nhập bình quân đầu người trên địa bàn xã năm 2023 đạt 45,879 triệu đồng/người/năm.

c. Đánh giá tiêu chí: Đạt theo quy định

3.11. Tiêu chí số 11 về Hộ nghèo đa chiều

a. Yêu cầu tiêu chí:

- Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2022- 2025: đạt < 6,5%

b. Kết quả thực hiện tiêu chí:

Tổng số hộ dân của xã : 1.494 hộ

- Tổng số hộ nghèo = 49 hộ, chiếm tỷ lệ: 3,28%

- Tổng số hộ cận nghèo = 47 hộ, chiếm tỷ lệ: 3,15%

Trong đó:

Hộ nghèo không có khả năng lao động : 08 hộ

Hộ cận nghèo không có khả năng lao động : 01 hộ

$$\begin{array}{l} * \text{ Tỷ lệ hộ nghèo đa} \\ \text{chiều của xã} \end{array} = \frac{49 - 8}{1494 - 8} \times 100 = 2,76\%$$

$$\begin{array}{l} * \text{ Tỷ lệ hộ cận nghèo đa} \\ \text{chiều của xã} \end{array} = \frac{47 - 1}{1494 - 1} \times 100 = 3,08\%$$

- Tỷ lệ nghèo đa chiều của xã = 2,76+3,08 = 5,84 %

c. Đánh giá tiêu chí: Đạt theo quy định

3.12. Tiêu chí số 12 về Lao động

Yêu cầu tiêu chí:

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo (Áp dụng cho cả nam và nữ) đạt $\geq 75\%$.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo có văn bằng chứng chỉ (Áp dụng cho cả nam và nữ) đạt $\geq 25\%$.

b) Kết quả thực hiện:

Tổng lực lượng lao động trên địa bàn xã là 4.088 người

Số lao động qua đào tạo: 3.088 người

Số lao động qua đào tạo có bằng cấp chứng chỉ của xã là: 1.030

Tỷ lệ lao động qua đào tạo được xác định theo công thức sau đây:

$$\text{Chỉ tiêu 12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo} = \frac{3.088}{4.088} \times 100\% = 75,42\%$$

Chỉ tiêu 12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ được xác định theo công thức sau đây:

$$\text{Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ} = \frac{1.030}{4.088} \times 100\% = 25,20\%$$

c. Đánh giá tiêu chí: Đạt theo quy định

3.13. Tiêu chí số 13 về Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn

a. Yêu cầu tiêu chí:

- Xã có hợp tác xã hoạt động hiệu quả và theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã, hoặc xã có tổ hợp tác hoạt động hiệu quả, theo đúng quy định của pháp luật và có hợp đồng hợp tác, tiêu thụ sản phẩm chủ lực của địa phương: đạt

- Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực đảm bảo bền vững: đạt

- Thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã gắn với xây dựng vùng nguyên liệu và được chứng nhận VietGAP hoặc tương đương

- Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bảo tồn, phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống (nếu có) gắn với hạ tầng về bảo vệ môi trường

- Có tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả

b. Kết quả thực hiện

Chỉ tiêu 13.1. Trên địa bàn xã có 01 Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012.

Hợp tác xã dịch vụ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xã Vân Am được thành lập năm 2019. Hiện tại Hợp tác xã có 13 thành viên. Vốn điều lệ của Hợp tác xã là 1.000.000.000 đồng, trình độ Ban quản trị Hợp tác xã gồm 01 Giám đốc có trình độ Trung cấp và số còn lại là trình độ văn hóa 12/12; hiện tại Hợp tác xã có trụ sở tại thôn Âm, xã Vân Am. Các hoạt động dịch vụ chủ yếu: Dịch vụ làm đất, cây giống, vật nuôi, trồng mía, trồng ớt và một số dịch vụ khác. Sản phẩm tiêu biểu của hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp mía, ớt, mướp đắng.

Chỉ tiêu 13.2. Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững:

Xây dựng các mô hình phát triển sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực của địa phương, xây dựng cây trồng chủ lực chủ yếu là cây mía, cây sắn và cây ăn quả. Mô hình trồng mía và trồng ớt lấy quả xuất khẩu của ông Lê Văn Danh thôn Tráng; mô hình trồng mướp đắng lấy hạt của các hộ dân tại thôn

Đóng, thôn Giỏi... góp phần tạo công ăn việc làm và nâng cao thu nhập cho người dân.

Chỉ tiêu 13.3. Thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã gắn với xây dựng vùng nguyên liệu và được chứng nhận VietGAP theo quy định.

Trên địa bàn xã hiện nay có sản phẩm mật ong của hộ Lê Văn Cường thôn Vân Thịnh đạt chuẩn Vietgap và có tem truy xuất nguồn gốc.

Chỉ tiêu 13.4. Trên địa bàn xã không có làng nghề, làng nghề truyền thống.

Chỉ tiêu 13.5. Xã Vân Am có tổ khuyến nông cộng đồng được thành lập theo Quyết định số 85/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 về việc thành lập tổ khuyến nông cộng đồng xã Vân Am; Quyết định số 78/QĐ-UBND ngày 15/4/2022 về việc ban hành Quy chế hoạt động của Tổ khuyến nông cộng đồng xã Vân Am. Tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động bước đầu mang lại hiệu quả nhất định.

c. Đánh giá tiêu chí: Đạt theo quy định

3.14. Tiêu chí số 14 về Giáo dục và đào tạo

a) Yêu cầu tiêu chí:

- Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2; tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 đạt từ 98% trở lên; phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 2; đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2;

- Tỷ lệ học sinh (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, giáo dục thường xuyên và trung cấp) đạt $\geq 85\%$.

b) Kết quả thực hiện

Chỉ tiêu số 14.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi đạt; phổ cập giáo dục tiểu học đạt mức độ 2; phổ cập giáo dục trung học cơ sở đạt mức độ 2; xóa mù chữ đạt mức độ 2; Tỷ lệ trẻ em vào lớp 1 đạt $\geq 98\%$, Cụ thể như sau:

- Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi Đạt theo Quyết định số 4417/QĐ-UBND ngày 17/11/2023, của Chủ tịch UBND huyện Ngọc Lặc.

+ Tỷ lệ trẻ 5 tuổi đến lớp đạt 100% (97/97);

+ Tỷ lệ trẻ 6 tuổi hoàn thành chương trình GDMN đạt 100% (110/110);

- Phổ cập giáo dục tiểu học đạt mức độ 3 theo Quyết định số 4417/QĐ-UBND ngày 17/11/2023, của Chủ tịch UBND huyện Ngọc Lặc.

+ Tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt 100% (110/110);

+ Tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình GDTH đạt 100%;

- Phổ cập giáo dục trung học cơ sở đạt mức độ 3 theo Quyết định số 4417/QĐ-UBND ngày 17/11/2023, của Chủ tịch UBND huyện Ngọc Lặc.

+ Tỷ lệ thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15-18 tuổi tốt nghiệp THCS đạt 100% (187/187);

+ Tỷ lệ thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15-18 tuổi đang học chương trình GDPT hoặc GDTX cấp THPT hoặc GDNN đạt 100% (187/187);

- Đạt chuẩn xóa mù chữ đạt mức độ 2 theo Quyết định số 4417/QĐ-UBND ngày 17/11/2023, của Chủ tịch UBND huyện Ngọc Lặc.

+ Tỷ lệ người trong độ tuổi từ 15-25 được công nhận biết chữ đạt 100% (824/824);

+ Tỷ lệ người trong độ tuổi từ 15-35 được công nhận biết chữ đạt 100% (2134/2134);

+ Tỷ lệ người trong độ tuổi từ 15-60 được công nhận biết chữ đạt 100% (4088/4088);

Chỉ tiêu số 14.2. Tỷ lệ học sinh (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp) $\geq 85\%$. Cụ thể như sau:

- Năm học 2020-2021: có 53/53 học sinh tốt nghiệp THCS đạt tỷ lệ 100%. Trong đó, có 53 học sinh tiếp tục học trung học (phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp) đạt tỷ lệ 100%.

- Năm học 2021-2022: có 65/65 học sinh tốt nghiệp THCS đạt tỷ lệ 100%. Trong đó, có 65 học sinh tiếp tục học trung học (phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp) đạt tỷ lệ 100%.

- Năm học 2022-2023: có 69/69 học sinh tốt nghiệp THCS đạt tỷ lệ 100%. Trong đó, có 69 học sinh tiếp tục học trung học (phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp) đạt tỷ lệ 100%.

c. Đánh giá tiêu chí: Đạt theo quy định

3.15. Tiêu chí số 15 về Y tế

a) Yêu cầu tiêu chí:

- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) đạt $\geq 90\%$.

- Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế

- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) $\leq 22\%$.

- Xã triển khai thực hiện sổ khám chữa bệnh điện tử

b) Kết quả thực hiện

Chỉ tiêu số 15.1. Tổng số nhân khẩu trên địa bàn xã là: 6.718 nhân khẩu. Tổng số người có thẻ BHYT xã là 6.097 người/6.718 người, đạt tỷ lệ: 90,8 %.

Chỉ tiêu số 15.2. Xã được Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa công nhận đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế giai đoạn đến năm 2030. Trong năm, xã được UBND huyện Ngọc Lặc kiểm tra, đánh giá luôn giữ vững Bộ tiêu chí quốc gia về y tế.

Chỉ tiêu số 15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) thấp hơn 22% trong nhiều năm trở lại đây. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) ở thời điểm gần nhất (tháng 12/2023) là $102/505 = 20,1\%$.

Chỉ tiêu số 15.4. Xã đã triển khai thực hiện sổ khám chữa bệnh điện tử từ năm 2022.

c. Đánh giá tiêu chí: Đạt theo quy định

3.16. Tiêu chí số 16 về Văn hóa

a. Yêu cầu tiêu chí:

Tỷ lệ thôn, bản đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định, có kế hoạch và thực hiện kế hoạch xây dựng nông thôn mới đạt $\geq 75\%$.

b. Kết quả thực hiện tiêu chí:

Trên địa bàn xã Vân Am có 11 thôn. Trong 3 năm liên kế có 9/11 thôn đều được công nhận danh hiệu “Khu dân cư văn hóa”

- Năm 2021 có 11/11 thôn được công nhận danh hiệu “Khu dân cư văn hóa” đạt tỉ lệ 100%

- Năm 2022 có 9/11 thôn được công nhận danh hiệu “Khu dân cư văn hóa” đạt tỉ lệ 81,8%

- Năm 2023 có 10/11 thôn được công nhận danh hiệu “Khu dân cư văn hóa” đạt tỉ lệ 90,9%

*** Gia đình văn hóa.**

- Năm 2021 toàn xã có 1.140/1.487 hộ đạt danh hiệu gia đình văn hóa, đạt tỷ lệ 76,7%; gia đình văn hóa 3 năm liên tiếp là 1.070/1.487 hộ đạt 72,0%

- Năm 2022 toàn xã có 1.178/1.492 hộ đạt danh hiệu gia đình văn hóa, đạt tỷ lệ 79,0%; gia đình văn hóa 3 năm liên tiếp là 1.102/1.492 hộ đạt 73,9%

- Năm 2023 toàn xã có 1.225/1.494 hộ đạt danh hiệu gia đình văn hóa, đạt tỷ lệ 82,0%; gia đình văn hóa 3 năm liên tiếp là 1.135/1.494 hộ đạt 76,0%

*** Cơ quan văn hóa.**

Năm 2022 xã Vân Am được công nhận “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”

*** Xã đạt chuẩn văn hóa**

Năm 2022 xã Vân Am được công nhận “Xã đạt chuẩn văn hoá nông thôn mới”.

Nhìn chung các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao trên địa bàn xã được tổ chức vào các dịp lễ tết truyền thống, các ngày kỷ niệm lớn của đất nước, của tỉnh, của huyện, của xã và được duy trì thường xuyên. Các loại hình sinh hoạt văn hóa đa dạng, phong phú từ các hoạt động truyền thống đến các loại hình hiện đại như: bóng chuyền, cầu lông, chạy, bắn nỏ, kéo co, đẩy gậy, ném còn... múa pò nôm, nhảy dân vũ thể thao, nhảy hiện đại của các cháu thiếu niên...

Việc duy trì, bảo tồn và phát huy văn hóa truyền thống luôn được cấp ủy đảng, chính quyền địa phương quan tâm và tổ chức thực hiện thường xuyên.

Nhằm giáo dục đạo đức lối sống cho các thế hệ trẻ, các lớp đoàn viên thanh niên, thiếu niên nhi đồng trên địa bàn xã, giúp các cháu hiểu, tự hào về truyền thống anh hùng của các thế hệ cha ông. Ngoài ra xã cũng khuyến khích các tầng lớp Nhân dân tìm hiểu, học hỏi các loại hình văn hóa tiến bộ, hiện đại; khuyến khích và tạo điều kiện cho văn hóa đọc phát triển.

c. Đánh giá tiêu chí: Đạt theo quy định

3.17. Tiêu chí số 17 về Môi trường và an toàn thực phẩm

a. Yêu cầu của tiêu chí:

17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn đạt $\geq 45\%$; $\geq 20\%$ từ hệ thống cấp nước tập trung (không áp dụng đối với các xã thuộc Khu vực I của các huyện miền núi tại Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ)

17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường. Đạt $\geq 95\%$

17.3. Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; không để xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung. Đạt

17.4. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn. Đạt $\geq 2\text{m}^2/\text{người}$.

17.5. Mai táng, hỏa táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch. Đạt

17.6. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định. Đạt $\geq 75\%$.

17.7. Tỷ lệ bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng và chất thải rắn y tế được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường. Đạt 100%

17.8. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch. Đạt $\geq 85\%$

17.9. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường. Đạt $\geq 70\%$

17.10. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm. Đạt 100%

17.11. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn. Đạt $\geq 30\%$.

17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định. Đạt $\geq 50\%$.

b. Kết quả thực hiện tiêu chí:

Chỉ tiêu 17.1.

- Trên địa bàn xã Vân Am không có công trình nước sinh hoạt tập trung, mà chỉ có các công trình nước sinh hoạt phân tán bằng giếng khoan, giếng khơi và nước mó.

- Số hộ sử dụng nước HVS trên địa bàn xã là: 1.400 hộ/1.494 hộ = 93,7 %.

- Số hộ sử dụng nước sạch từ công trình cấp nước nhỏ lẻ là: 938 hộ/1.494 hộ = 62,78 %.

Chỉ tiêu 17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường:

- Số hộ sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, trên địa bàn xã là: 0 hộ.

- Làng nghề: Trên địa bàn xã không có làng nghề.

- Số hộ sản xuất kinh - kinh doanh đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường trên địa bàn xã là: 51 hộ/51 hộ = 100%.

Trên địa bàn xã có một số ít hộ gia đình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ nhỏ lẻ, chủ yếu buôn bán tạp hóa, xay xát (trong đó: xay sát 15 hộ; VLXD 02 hộ; hàng tạp hóa 34 hộ); 100% các cơ sở sản xuất, kinh doanh đã ký cam kết bảo vệ môi trường với UBND xã và thực hiện theo các quy định về bảo vệ môi trường. 100% các cơ sở sản xuất, kinh doanh đảm bảo tiêu chuẩn về môi trường, không gây tiếng ồn, khói bụi và ô nhiễm ra môi trường xung quanh.

Ngoài ra trên địa bàn xã có 01 hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp. Các cơ sở đều chấp hành tốt các quy định trong bảo vệ môi trường theo đúng quy định pháp luật và không có rác thải ra môi trường.

Chỉ tiêu 17.3. Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; không để xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung.

- Toàn xã có 56 tuyến đường, tổng chiều dài các loại đường là: 50,53 km. Tất cả các tuyến đường thường xuyên đều được tu bổ, đắp lè, phát dọn hành lang và nạo vét rãnh thoát nước dọc hai bên đường.

- Trên địa bàn xã có 3.148,1 ha đất lâm nghiệp được giao cho các hộ quản lý và trồng cây lâm nghiệp phủ xanh đất trống đồi trọc và phát triển kinh tế hộ gia đình. Hàng năm UBND xã đều có kế hoạch tổ chức trồng cây, gắn với trồng rừng. Đặc biệt là cây xanh, bóng mát, đảm bảo diện tích tối thiểu $\geq 2\text{m}^2/\text{người}$. Diện tích đất quy hoạch trồng cây xanh: 26.204 m^2 (trong đó đất cây xanh tại các khu dân cư là: 19.876 m^2 ; khu vực cơ quan, đơn vị là 6.328 m^2)

- Vận động Nhân dân tích cực trồng hàng rào cây xanh. Kết quả từ ngày phát động đến nay: tổng số hộ tham gia trồng 1.238 hộ, với chiều dài 12,5 km, tổng số cây: 50.064 cây.

- 11/11 thôn đã xây dựng hương ước, quy ước được Chủ tịch UBND huyện phê duyệt, trong đó có quy định về bảo vệ môi trường và được Nhân dân nghiêm túc thực hiện.

Chỉ tiêu 17.4. Diện tích đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư trên địa bàn xã được xác định là đất cây xanh tại khu Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã, khu vui chơi, giải trí cho trẻ em và người già, khuôn viên công sở xã, khuôn viên các nhà văn hóa - khu thể thao thôn. Các loại cây xanh được trồng

gồm các loại cây bóng mát (xà cừ, Sua, đa, tùng, cau, xanh, xoan, sao đen...), các loại cây ăn quả (như: xoài, ổi, bưởi, vú sữa, nhãn, vải...) đảm bảo 100% người dân có thể tiếp cận.

- Diện tích đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn là 26.204 m².

- Tổng số cây xanh được trồng tại các điểm công cộng trong khu dân cư nông thôn là: 1.186 cây.

- Nguồn kinh phí Nhân dân tự đóng góp để mua cây giống khoảng 47.440.000 đồng.

* Diện tích đất cây xanh/ người trên địa bàn xã là:

$$T_{\text{đất cây xanh}} = \frac{\text{DT đất cây xanh}}{\text{Quy mô dân số toàn xã}} = \frac{26.204 \text{ m}^2}{6.718 \text{ người}} = 3,9 \text{ m}^2/\text{người}$$

Chỉ tiêu 17.5. Mai táng, hỏa táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch.

Xã Vân Am đã triển khai thực hiện việc mai táng trên địa bàn xã đảm bảo theo quy định tại Nghị định số 23/2016/NĐ-CP ngày 03/4/2016 của Chính phủ về xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang; Nghị định số 98/2019/NĐ-CP ngày 27/12/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật; quy định của Bộ Y tế tại Thông tư 21/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 quy định về vệ sinh trong mai táng, hỏa táng. Cụ thể:

- Trên địa bàn xã hiện nay có 11 nghĩa địa/11 thôn. Theo quy hoạch chung đến năm 2030 xã quy hoạch có 02 khu nghĩa địa tập trung với diện tích 3,77 ha (Trong đó: Thôn Vân Thịnh 2,8 ha; Thôn Thuận Bà 0,89 ha).

- Chất thải trong các hoạt động mai táng được thu gom xử lý tại khu vực riêng biệt trong nghĩa địa bằng hình thức đốt và chôn lấp, để đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường; việc mai táng được tuân thủ các quy định về mai táng, đáp ứng được các yêu cầu về vệ sinh môi trường.

Chỉ tiêu 17.6. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định đạt

Hiện nay công việc thu gom rác, số lượng rác của xã thu gom được trong 1 ngày ước chừng khoảng 10,3 tấn/ngày.

- Xe đẩy (xe rùa): bình quân mỗi hộ có 1 xe đẩy tay. Dung tích khoảng 0,3 m³

- Thùng rác công cộng: 150 cái.

- Tổng khối lượng rác phát sinh: khoảng 10,3 tấn, ước thu gom 7,8 tấn đạt 75,7% được xử lý bằng cách chôn, đốt tại hộ gia đình.

- 100% các hộ có mặt tại địa phương đăng ký thực hiện xử lý CTR sinh hoạt trên địa bàn.

- Các hộ gia đình đều tự xây lắp các lò đốt rác để xử lý đối với các loại rác như: Lá cây, cành khô, cỏ khô...

- Đối với rác thải sinh hoạt như bao bì, túi ni lông, ... được phân loại và xử lý tại hộ.

- Tại các công trình công cộng (trường học, Công sở UBND xã, trạm y tế, TTVHTT xã) có bố trí địa điểm, bể đốt rác theo quy định.

- Thu gom nước thải sinh hoạt của khu dân cư: Các khu dân cư đều có hệ thống tiêu thoát nước thải xung quanh, thường xuyên được nạo vét, khơi thông dòng chảy đảm bảo không bị ách tắc.

Chỉ tiêu 17.7. Tỷ lệ bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng và chất thải rắn y tế được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

Thu gom, xử lý CTR y tế: Chất thải y tế thông thường, hình thức xử lý (Chôn, đốt...), 533 kg KH, đạt 100%. Chất thải: CTNH không lây nhiễm hình thức xử lý (nước thải): 2000/2000m³, đạt 100% KH hàng năm. Chất thải: Lây nhiễm, hình thức xử lý: Thu gom đưa vào nồi hấp tiệt trùng, tiêu diệt vi khuẩn, vi sinh vật gây bệnh trong nhiệt độ, áp suất quy định với thời gian phù hợp. (hợp đồng với bệnh viện đa khoa khu vực Ngọc Lặc)

Thu gom bao gói thuốc BVTV sau sử dụng: Toàn xã có 193 bể/761,5ha diện tích trồng cây hàng năm (577,5ha) và cây lâu năm (184ha) đựng bao bì thuốc BVTV sau sử dụng, đặt trên 36 xứ đồng, diện tích bao phủ là 3ha/1 bể của các thôn. Tất cả các bao bì, chai lọ thuốc trừ sâu, trừ cỏ được thu gom là 1.298,9kg/năm đạt 100%, không vứt bừa bãi, gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

UBND xã và các tổ chức đoàn thể cùng các thôn thường xuyên lồng ghép tuyên truyền để nâng cao nhận thức của bà con Nhân dân về tác hại của việc sử dụng bừa bãi thuốc trừ sâu, trừ cỏ đến môi trường và sức khỏe con người, đồng thời có các biện pháp xử lý nghiêm với các hành vi như lạm dụng quá mức thuốc BVTV, vứt bao bì, chai lọ sau khi phun không đúng nơi quy định.

Chỉ tiêu 17.8. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch:

- Số hộ có nhà tiêu đạt tiêu chuẩn 1325/1494 hộ, đạt 88,69 %;

- Số hộ có nhà tắm đạt tiêu chuẩn 1367/1494 hộ, đạt 91,5 %;

- Số hộ có bể nước đạt tiêu chuẩn 1390/1494 hộ, đạt 93,04 %.

- Công tác vệ sinh nhà cửa, đường làng, ngõ xóm của các hộ gia đình theo tiêu chí 3 sạch: Sạch nhà, sạch bếp, sạch ngõ.

Chỉ tiêu 17.9. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường: Toàn xã có 802 hộ chăn nuôi quy mô nhỏ lẻ, trong đó có 629 hộ chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường đạt 78,4%. Gia trại, chuồng, trại chăn nuôi nằm cách biệt khu nhà ở đảm bảo vệ sinh môi trường. Có 132 hộ chăn nuôi gia súc, gia cầm áp dụng mô hình sử dụng hầm biogas để xử lý chất thải trong chăn nuôi, còn các hộ

đều xây hồ chứa chất thải, nước thải, không để chất thải gây mùi khó chịu làm ảnh hưởng đến môi trường.

Thực hiện vệ sinh tiêu độc, khử trùng chuồng trại và khu vực chăn nuôi; 100% số hộ chăn nuôi trong xã đều thực hiện kê khai hoạt động chăn nuôi ban đầu với UBND xã và kê khai khi có sự biến động về số đầu vật nuôi trong mỗi quý. Các hộ chăn nuôi đều thực hiện chăm sóc, nuôi dưỡng đàn vật nuôi, không có trường hợp đánh đập hay thô bạo với vật nuôi. 100% số hộ chăn nuôi thực hiện ký cam kết đảm bảo vệ sinh môi trường, UBND xã định kỳ kiểm tra việc thực hiện ký cam kết của các hộ.

Chỉ tiêu 17.10. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm. Đạt 100%.

Xã Vân Am đã thành lập và kiện toàn Ban chỉ đạo; Tổ giám sát cộng đồng về công tác an toàn thực phẩm; Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện tốt các hoạt động đảm bảo an toàn thực phẩm trên địa bàn xã. Tại thời điểm thẩm tra, xã đã hoàn thành 04/04 nhóm tiêu chí xã, phường, thị trấn an toàn thực phẩm, xã đã được tỉnh công nhận tại Quyết định số 28/QĐ-UBND ngày 05/01/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa về công nhận xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí ATTP năm 2020. Xã tổ chức tuyên truyền cho người dân về phòng chống ngộ độc thực phẩm nói chung và ngộ độc thực phẩm do độc tố tự nhiên nói riêng như độc tố của cóc, nấm độc... đồng thời tuyên truyền người dân không ăn côn trùng lạ, quả lạ có thể gây ngộ độc. Tổ chức tập huấn về an toàn thực phẩm cho 100% số hộ kinh doanh, cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

- Hộ gia đình và cơ sở kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 16 hộ/16 hộ ký cam kết đảm bảo an toàn thực phẩm.

- Hộ gia đình và cơ sở kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của ngành công thương: 53 hộ/53 hộ ký cam kết đảm bảo an toàn thực phẩm.

- Hộ gia đình và cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế: 07 hộ/07 hộ ký cam kết đảm bảo an toàn thực phẩm.

- Tỷ lệ hộ gia đình, cơ sở được cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc diện phải cấp theo từng loại hình:

Hộ gia đình, cơ sở được cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc diện phải cấp: 07 cơ sở/07 cơ sở đạt tỷ lệ 100%

UBND xã định kỳ tổ chức kiểm tra, giám sát các cơ sở theo quy định, các cơ sở được kiểm tra, giám sát tuân thủ các quy định về an toàn thực phẩm, đạt tỷ lệ 100%.

Chỉ tiêu 17.11. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn trên địa bàn xã được phân loại là 583/1494 hộ = 39,02%. Đạt yêu cầu tiêu chí.

Chỉ tiêu 17.12. Tỷ lệ khối lượng chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn xã được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định 7,5/13,6 tấn = 55,1%

Biện pháp xử lý chất thải nhựa sau khi phân loại những loại nào còn sử dụng, tái chế được thì Nhân dân thu gom bán cho các đại lý thu gom đồ nhựa, còn những chất thải không sử dụng, tái chế được thì Nhân dân các thôn đốt, chôn tại hộ gia đình.

c) Đánh giá tiêu chí: Đạt theo quy định.

3.18. Tiêu chí số 18 về Hệ thống tổ chức chính trị và tiếp cận pháp luật

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn. Đạt
- Đảng bộ, chính quyền xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. Đạt

- Tổ chức chính trị - xã hội của xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên đạt 100%

- Tiếp cận pháp luật:

- + Ban hành văn bản theo thẩm quyền để tổ chức và bảo đảm thi hành Hiến pháp và pháp luật trên địa bàn: đạt

- + Tiếp cận thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật: đạt

- + Hòa giải ở cơ sở, trợ giúp pháp lý: đạt

- Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; phòng chống xâm hại trẻ em; bảo vệ và hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn (nếu có); bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong gia đình và đời sống xã hội. đạt

- Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bồi dưỡng kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho người dân, đào tạo nâng cao năng lực cộng đồng gắn với nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Phát triển thôn: đạt

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Chỉ tiêu 18.1.

Xã Vân Am là xã loại I, thuộc đơn vị hành chính cấp xã sắp xếp theo Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính. Số lượng cán bộ, công chức đang bố trí tại thời điểm là 21 người (trong đó: 11 cán bộ và 10 công chức). Chất lượng, trình độ chuyên môn của cán bộ và công chức đảm bảo theo quy định.

Chỉ tiêu 18.2. Năm 2021 Đảng bộ xã Vân Am được BCH Đảng bộ huyện đánh giá “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” theo quy định của BTC Trung ương;

Năm 2022 Đảng bộ xã Vân Am được BCH Đảng bộ huyện đánh giá “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” theo quy định của BTC Trung ương;

Năm 2023 Đảng bộ xã Vân Am được BCH Đảng bộ huyện đánh giá “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” theo quy định của BTC Trung ương;

Năm 2021 Chính quyền xã Vân Am được UBND huyện đánh giá “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” theo quy định của UBND tỉnh.

Năm 2022 Chính quyền xã Vân Am được UBND huyện đánh giá “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” theo quy định của UBND tỉnh.

Năm 2023 Chính quyền xã Vân Am được UBND huyện đánh giá “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” theo quy định của UBND tỉnh.

Chỉ tiêu 18.3. Năm 2021, 2022, 2023, MTTQ và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội xã Vân Am đều được MTTQ và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội huyện đánh giá, xếp loại “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” trở lên.

Chỉ tiêu 18.4. Xã đã triển khai thực hiện việc xây dựng xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2023 theo Quyết định 25/2021/QĐ- TTg của Thủ tướng chính phủ và Thông tư số 09/2021/TT- BTP. Xã Vân Am được công nhận xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2023 theo Quyết định số 381/QĐ- UBND ngày 25/01/2024 của Chủ tịch UBND huyện Ngọc Lặc.

Chỉ tiêu 18.5: Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội. Cụ thể:

- Nữ lãnh đạo chủ chốt cấp xã 01 người (bà Phạm Thị Chiên giữ chức vụ Phó chủ tịch HĐND xã).

- Có 165/287 người nữ tham gia Hợp tác xã, dự án giảm nghèo, mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực của xã, đạt tỷ lệ 57,69%.

- Tính từ 01/04/2023 đến hết 30/4/2024, toàn xã có 67 trường hợp đăng ký kết hôn, không có trường hợp tảo hôn, cưỡng hôn.

Từ tháng 01/04/2023 đến tháng 30/4/2024, tổng số trẻ sinh ra sống là 98 bé, trong đó có 51 bé trai và 47 bé gái.

Xã Vân Am có 12 địa chỉ tin cậy, nhà tạm lánh ở cộng đồng đặt tại Trạm y tế và 11 thôn xã theo Quyết định số 53/QĐ-UBND ngày 04/5/2023 của Chủ tịch UBND xã Vân Am.

UBND Xã Vân Am có bố trí 01 công chức làm công tác bảo vệ trẻ em là Bà Phạm Thị Vân - Công chức VHXXH xã tại Quyết định số 54 ngày 04/05/2023 của Chủ tịch UBND xã Vân Am

Xã Vân Am có Ban bảo vệ trẻ em được kiện toàn theo Quyết định số 69/QĐ-UBND ngày 09/5/2024 của Chủ tịch UBND xã Vân Am do đồng chí PCT UBND xã làm trưởng ban. Ban bảo vệ trẻ em xã hoạt động theo quy chế được phê duyệt.

Xã Vân Am đã ban hành kế hoạch số 43/KH-UBND ngày 06/7/2023 về thực hiện Chương trình chăm sóc bảo vệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn trên địa bàn xã. 100% trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn trên địa bàn được giúp đỡ, giảm bớt khó khăn trong cuộc sống.

Chỉ tiêu 18.6. UBND xã Vân Am đã xây dựng kế hoạch và triển khai bồi dưỡng kiến thức về xây dựng NTM cho người dân, đào tạo nâng cao năng lực cộng đồng gắn với nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban phát triển thôn. Số lớp tập huấn, bồi dưỡng, phổ biến kiến thức năm 2023 là 03 lớp với 270 người tham gia; 6 tháng đầu năm 2024 là 02 lớp với 224 người tham gia gồm thành viên BCD XD NTM xã, Ban Quản lý xã, HTX, tổ khuyến nông cộng đồng, Ban phát triển thôn và Nhân dân trên địa bàn xã. Đồng thời, trong năm xã cử 01 công chức phụ trách nông thôn mới tham gia lớp tập huấn do Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh tổ chức. Kinh phí tổ chức tập huấn 25 triệu đồng.

Thông qua bồi dưỡng, tập huấn giúp cho đội ngũ cán bộ, công chức xây dựng NTM có thêm kiến thức, kinh nghiệm để tổ chức triển khai, thực hiện Chương trình trên địa bàn công tác; nâng cao nhận thức và chuyển đổi tư duy cho Ban phát triển thôn và người dân về phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới tạo sự thống nhất cao trong Đảng, sự đồng thuận trong các tầng lớp Nhân dân trong xã về quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp xây dựng nông thôn mới, xác định đây là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt của cấp ủy đảng, chính quyền, MTTQ và các đoàn thể Nhân dân từ xã đến thôn mà chủ thể là người nông dân.

c) Đánh giá tiêu chí: Đạt theo quy định

3.19. Tiêu chí số 19 về Quốc phòng và an ninh

a. Yêu cầu tiêu chí:

- Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng: đạt

- Không có hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia; không có khiếu kiện đông người kéo dài trái pháp luật; không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội đặc biệt nghiêm trọng hoặc phạm các tội về xâm hại trẻ em; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc...) và tai nạn giao thông, cháy, nổ được kiểm chế, giảm so với năm trước; có một trong các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả: đạt

b. Kết quả thực hiện tiêu chí:

Chỉ tiêu 19.1. UBND xã xây lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng, cụ thể:

- Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ “vững mạnh, rộng khắp”: Xã Vân Am có tổ chức Ban chỉ huy quân sự và cán bộ dân quân tự vệ đảm bảo theo quy định và yêu cầu tiêu chí về số lượng, chất lượng, bảo đảm chính sách và cơ sở vật chất:

- Ban CHQS xã Vân Am xây dựng đầy đủ các loại kế hoạch hoạt động theo đúng quy định và hướng dẫn của ngành chuyên môn (Theo thông tư số 43/2020/TT - BQP).

- UBND xã thực hiện tốt việc tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ: Trong 03 năm gần kề đều hoàn thành 100% chỉ tiêu quân sự được giao (Năm 2022 là 09 bộ đội và 01 nghĩa vụ công an; năm 2023 là 09 bộ đội và 01 công an; năm 2024 là 08 bộ đội 0 công an) đảm bảo chất lượng về sức khỏe, văn hóa, tiêu chuẩn chính trị, không để bù đắp, loại trả, không có quân nhân đào bỏ ngũ.

- UBND xã cử cán bộ tham gia lớp bồi dưỡng, cập nhật kiến thức QP-AN cho các đối tượng do Ban Chỉ huy Quân sự huyện tổ chức.

- Lực lượng dự bị động viên: Toàn xã có 76 đ/c QNDB hạng 1 (trong đó SQ = 09 đ/c, HSQ-BS = 67) và 1.974 QNDB hạng 2, đã biên chế sắp xếp vào đơn vị DBĐV huyện 70 đ/c (trong đó SQ = 01 đ/c, HSQ-BS = 69 đ/c). Khi được lệnh huy động quân nhân dự bị luôn bảo đảm 100% quân số theo chỉ tiêu được giao.

UBND xã thực hiện tốt việc đăng ký phương tiện kỹ thuật phục vụ chiến đấu: Phương tiện vận chuyển đường bộ = 42 (xe tải = 14 cái; xe khách 2 cái; xe con = 25 cái; máy xúc = 01 cái), kho tàng, bến bãi, nhà xưởng sẵn sàng cho động viên thời chiến.

- Công tác phối hợp thực hiện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng: Ban CHQS xã có kế hoạch, chương trình phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể thực hiện vụ quân sự, quốc phòng; phối hợp với công an giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Định kỳ 6 tháng tổ chức sơ kết, năm tổ chức tổng kết và ký kết chương trình phối hợp năm sau đầy đủ theo quy định.

- UBND xã Vân Am thực hiện tất công tác chính sách đảm bảo theo quy định.

- Tình hình an ninh chính trị: Địa bàn xã luôn ổn định, không có các vụ khiếu kiện đông người, vượt cấp kéo dài; không có các tổ chức phản động hoạt động trên địa bàn; không có các vụ trọng án hình sự.

- Khen thưởng: Hàng năm Ban CHQS xã luôn được cấp trên đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. Năm 2022 được Chủ tịch UBND huyện tặng giấy khen hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ Quân sự - Quốc phòng.

Chỉ tiêu 19.2. Trong 3 năm liên tục (từ năm 2021 đến nay), trên địa bàn xã không để xảy ra các hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia; không có khiếu

kiện đông người kéo dài trái pháp luật; không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội đặc biệt nghiêm trọng theo quy định của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; số vụ tội phạm và tệ nạn xã hội và tai nạn giao thông, cháy, nổ được kiểm chế, giảm so với năm trước tối thiểu 5%; tiêu biểu có mô hình “ Dòng họ tự quản” gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả.

- Khen thưởng: Năm 2021, 2022 được công nhận đạt tiêu chuẩn “an toàn về ANTT”. Đạt danh hiệu đơn vị tiên tiến.

c. Đánh giá tiêu chí: Đạt theo quy định.

4. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng xã nông thôn mới

Trong quá trình xây dựng NTM, việc đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kinh tế - xã hội luôn được quản lý chặt chẽ, từ việc xác định nhu cầu đầu tư, xây dựng kế hoạch, thẩm định nguồn vốn để đảm bảo khả năng thanh toán, thực hiện nghiêm túc quy định của nhà nước về thanh quyết toán vốn đầu tư xây dựng từ nguồn vốn ngân sách. Thực hiện thanh toán, giải ngân vốn theo tiến độ khối lượng hoàn thành. Đến thời điểm thẩm tra, xã Vân Am không có nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng NTM.

5. Về kế hoạch chất lượng các tiêu chí xã nông thôn mới

Xác định xây dựng NTM có điểm khởi đầu nhưng không có điểm kết thúc, đây là nhiệm vụ chính trị quan trọng, xuyên suốt của cấp uỷ đảng, chính quyền và nhân dân. Tiếp tục đẩy mạnh phát triển sản xuất, công nghiệp và dịch vụ, tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng quy mô lớn – công nghệ cao, có hình thức tổ chức sản xuất và cơ cấu kinh tế hợp lý; phát triển giáo dục, y tế, văn hoá theo hướng chất lượng cao và chuẩn hoá, xã hội hoá; giữ gìn phát huy truyền thống tốt đẹp của quê hương, xây dựng con người văn hoá, gia đình, làng, xã văn hoá; tiếp tục chỉnh trang cảnh quan, đảm bảo vệ sinh môi trường; đảm bảo an ninh chính trị trật tự an toàn xã hội, xây dựng nông thôn mới trở thành miền quê đáng sống.

Với quan điểm đó, trong thời gian tới, xã tập trung xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh toàn diện, đủ sức lãnh đạo nhân dân xây dựng xã NTM, NTM nâng cao. Xây dựng kết cấu hạ tầng – xã hội hiện đại, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân không ngừng được nâng cao.

II. KẾT LUẬN

1. Về hồ sơ

Nội dung, thành phần hồ sơ được UBND xã Vân Am thực hiện đảm bảo đầy đủ và đúng theo quy định tại Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Về kết quả thực hiện và mức độ đạt chuẩn các tiêu chí xã nông thôn mới

Tổng số tiêu chí nông thôn mới của xã Vân Am đã được UBND huyện Ngọc Lặc thẩm tra đạt chuẩn nông thôn mới tính đến thời điểm thẩm tra là 19/19 tiêu chí, đạt 100%.

3. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng xã nông thôn mới

Đến nay xã Vân Am không còn nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới.

III. KIẾN NGHỊ

UBND huyện Ngọc Lặc kính đề nghị UBND tỉnh Thanh Hoá tổ chức thẩm định, xem xét, quyết định xã Vân Am đạt chuẩn nông thôn mới năm 2024./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Văn phòng điều phối NTM tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các phó chủ tịch UBND huyện;
- Thành viên BCĐ các chương trình MTQG huyện;
- Phòng, ban, ngành liên quan;
- Lưu: VT, NN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phạm Thị Lý

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM TRA MỨC ĐỘ ĐẠT CHUẨN CÁC TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI ĐẾN NĂM 2024
đối với xã Vân Am, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày tháng 7 năm 2024 của UBND huyện Ngọc Lặc)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu theo vùng 2	Kết quả thực hiện của xã	Kết quả thẩm tra của huyện
I. QUY HOẠCH					
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của xã giai đoạn 2021 - 2025 (trong đó có quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn) và được công bố công khai đúng thời hạn	Đạt	Có quy hoạch chung đến năm 2030 đã được phê duyệt; (QĐ số 2445/QĐ-UBND ngày 04/08/2022 của UBND huyện Ngọc Lặc)	Đạt
		1.2. Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch	Đạt	Ban hành quy định quản lý quy hoạch, tổ chức thực hiện theo quy hoạch; (QĐ số 3498/QĐ-UBND ngày 21/10/2022 của UBND huyện Ngọc Lặc)	Đạt
II. HẠ TẦNG KINH TẾ XÃ HỘI					
2	Giao thông	2.1. Tỷ lệ đường xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	100% (Chiều rộng mặt đường $\geq 3,5m$; chiều rộng nền đường $\geq 6,5m$)	Thực hiện 19,73 km/19,73 km đạt tỷ lệ 100%.	Đạt
		2.2. Tỷ lệ đường thôn, bản và đường liên thôn, bản ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	100% (trong đó: $\geq 70\%$ bê tông hóa hoặc nhựa hóa đạt chiều rộng mặt đường $\geq 3,0m$, chiều rộng nền đường $\geq 4,0m$)	Thực hiện 30,8 km/43,8 km = 70,31 %.	Đạt
		2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm sạch và đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm	100% (trong đó: $\geq 70\%$ bê tông hóa hoặc nhựa hóa đạt chiều rộng mặt đường $\geq 3,0m$, chiều rộng nền đường $\geq 4,0m$)	Trên địa bàn xã không có đường ngõ xóm chủ yếu đường ngõ xóm kết hợp với đường thôn đi vào cụm dân cư.	Đạt
		2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm	100% (trong đó: $\geq 60\%$ bê tông hóa đạt chiều rộng mặt đường $\geq 3,0m$, chiều rộng nền đường $\geq 4,0m$)	Xã không có đường nội đồng riêng biệt. Đường thôn, đường ngõ xóm nằm dọc các xú đồng đan xen khu dân cư	Đạt

3	Thủy lợi và phòng, chống thiên tai	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên	Đạt	Diện tích đất nông nghiệp được tưới và chủ động tưới 175,98/175,98 ha đạt tỷ lệ 100%	Đạt
		3.2. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ	Đạt	Kế hoạch số 41/KH-UBND ngày 04/7/2023 về PCTT theo phương châm 4 tại chỗ; Quyết định số 76/QĐ-UBND Ngày 04/7/2023 kiện toàn ban chỉ huy, phân công nhiệm vụ.	Đạt
4	Điện	4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn	Đạt	Có 100% đường dây hạ thế 0,4 sử dụng bằng dây bọc, đảm bảo an toàn	Đạt
		4.2. Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn	≥98%	- Thực hiện 100%	Đạt
5	Trường học	Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS; hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất theo quy định	Xã có >3 trường: 100% đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu (trong đó: ≥70% đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1). Xã có ≤3 trường: 100% đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu (trong đó: ≥50% đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1)	Xã có 04/04 đạt =100% đạt tiêu chuẩn mức độ 1).	Đạt

6	Cơ sở vật chất văn hóa	6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã	<p>- Quy hoạch: Bố trí được quỹ đất tối thiểu .500m² đối với xã thuộc huyện đồng bằng và 1.500m² đối với xã thuộc huyện miền núi, ở vị trí trung tâm để xây dựng Trung tâm Văn hóa Thể thao xã, đảm bảo mọi người dân trong vùng đều được sử dụng thuận lợi và dễ dàng tiếp cận. Trong đó:</p> <p>+ Diện tích đất quy hoạch của Nhà văn hóa hoặc Hội trường đa năng tối thiểu đạt 500m² đối với xã thuộc huyện đồng bằng, 300m² đối với xã thuộc huyện miền núi.</p> <p>+ Diện tích đất quy oạch của Khu thể thao xã (chưa tính sân vận động xã) tối thiểu đạt 2000m² đối với xã thuộc huyện đồng bằng, 1.200m² đối với xã thuộc huyện miền núi.</p> <p>- Quy mô chỗ ngồi của Nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng tối thiểu đạt 250 chỗ ngồi đối với xã thuộc huyện đồng bằng, 200 chỗ ngồi đối với xã thuộc huyện miền núi.</p> <p>- Trang thiết bị của Nhà văn hóa hoặc Hội trường đa năng và sân thể thao đạt 100% theo quy định.</p>	<p>Xã có Hội trường đa năng diện tích 340 m² với 250 chỗ ngồi, có 5 phòng chức năng. Bàn ghế trang thiết bị đảm bảo yêu cầu</p> <p>Khu thể thao của xã được bố trí trong khuôn viên Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã, diện tích 1.640 m². Bố trí sân tập các môn thể thao đơn giản như bóng chuyền, cầu lông, kéo co... đảm bảo yêu cầu tiêu chí.</p> <p>Sân vận động đã được HĐND tỉnh thông nhất chủ trương chuyển đổi mục đích sử dụng đất, được phê duyệt quy hoạch diện tích 15.839,9 m²</p>	Đạt
		6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định	Đạt	<p>Khu vui chơi giải trí thể thao cho người già và trẻ em được bố trí trong khuôn viên Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã, diện tích 520 m².</p> <p>Bố trí đầy đủ sân tập các môn thể thao đơn giản, dụng cụ đồ chơi cho các cháu thiếu nhi. Đảm bảo yêu cầu tiêu chí</p>	Đạt
		6.3. Tỷ lệ thôn, bản có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng	100%	11/11 thôn có nhà văn hóa đảm bảo yêu cầu tiêu chí. Đạt 100%.	Đạt

7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa	<p>- Đối với xã có trong quy hoạch chợ của tỉnh giai đoạn 2021-2025, phải xây dựng chợ đạt chuẩn theo quy định.</p> <p>- Đối với xã không có trong quy hoạch chợ của tỉnh giai đoạn 2021-2025 hoặc có trong quy hoạch chợ của tỉnh giai đoạn sau năm 2025 và chưa có chợ thì phải có cửa hàng tổng hợp hoặc siêu thị mini đạt chuẩn theo quy định.</p>	Xã có 01 chợ tạm theo Quyết định số 264/QĐ-SCT ngày 06/3/2023, chợ kinh doanh thực phẩm phục vụ sinh hoạt, sản xuất hàng ngày của Nhân dân. Có các điều kiện đảm bảo về phòng cháy, chữa cháy	Đạt
8	Thông tin và truyền thông	8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính	Đạt	Có 01 điểm bưu điện văn hóa	Đạt
		8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, internet	Đạt	VNPT, Viettel phục vụ 100% nhu cầu viễn thông, internet cho nhân dân	Đạt
		8.3. Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn	Đạt	Đài truyền thanh thông minh hoạt động tốt, đảm bảo công tác thông tin, tuyên truyền	Đạt
		8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành	Đạt	100% văn bản được nhận, gửi, xử lý trên môi trường mạng	Đạt
9	Nhà ở dân cư	9.1. Nhà tạm, dột nát	Không	Không còn nhà tạm, dột nát	Đạt
		9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố	$\geq 85\%$	1.494 hộ/1.494 hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố đạt 100%. Trong đó số nhà ở đạt chuẩn $1.303/1.494 = 87,22\%$.	Đạt
III. KINH TẾ VÀ TỔ CHỨC SẢN XUẤT					
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/ người)	<p>Năm 2022: ≥ 39</p> <p>Năm 2023: ≥ 42</p> <p>Năm 2024: ≥ 45</p> <p>Năm 2025: ≥ 48</p>	Năm 2023 đạt 45,879 triệu đồng/người/năm	Đạt
11	Nghèo đa chiều	Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2022- 2025	$< 6,5\%$	<p>Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều của xã: 2,76 %</p> <p>Tỷ lệ hộ cận nghèo đa chiều của xã: 3,08%</p> <p>Tỷ lệ nghèo đa chiều của xã = $2,76+3,08 = 5,84\%$</p>	Đạt

12	Lao động	12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 75\%$	Có 3.083/4.088 lao động thường xuyên đạt tỷ lệ 75,42% được đào tạo, tập huấn	Đạt
		12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 25\%$	Có 1.030/4.088 lao động được đào tạo có chứng chỉ, bằng cấp đạt tỷ lệ 25,20%	Đạt
13	Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn	13.1. Xã có hợp tác xã hoạt động hiệu quả và theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã, hoặc xã có tổ hợp tác hoạt động hiệu quả, theo đúng quy định của pháp luật và có hợp đồng hợp tác, tiêu thụ sản phẩm chủ lực của địa phương	Đạt	Có HTX dịch vụ nông nghiệp, hoạt động có hiệu quả theo đúng Luật HTX	Đạt
		13.2. Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực đảm bảo bền vững	Đạt	Có Mô hình trồng mía và trồng ớt lấy quả xuất khẩu của ông Lê Văn Danh thôn Tráng; mô hình trồng mướp đắng lấy hạt của các hộ dân tại thôn Đông, thôn Giới...	Đạt
		13.3. Thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã gắn với xây dựng vùng nguyên liệu và được chứng nhận VietGAP hoặc tương đương	Đạt	Xã đã có sản phẩm mật ong của hộ Lê Văn Cương thôn Vân Thịnh đạt chuẩn Vietgap và có tem truy xuất nguồn gốc	Đạt
		13.4. Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bảo tồn, hát triển làng nghề, làng nghề truyền thống (nếu có) gắn với hạ tầng về bảo vệ môi trường	Đạt	Xã không có làng nghề truyền thống	Đạt
		13.5. Có tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả	Đạt	Có tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động có hiệu quả	Đạt
IV. VĂN HÓA - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG					
14	Giáo dục và đào tạo	14.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2; tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 đạt từ 98% trở lên; phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 2; đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2	Đạt	Phổ cập giáo dục các bậc học và xóa mù chữ đạt mức độ 2	Đạt
		14.2. Tỷ lệ học sinh (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp)	$\geq 85\%$	Có 69/69 học sinh tốt nghiệp THCS tiếp tục học THPT và PTGDTX đạt 100%	Đạt

15	Y tế	15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 90\%$	Tỷ lệ người dân đã tham gia BHYT tính đến 30/6/2024 là: $6.097/6.718 = 90,8\%$.	Đạt
		15.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế.	Đạt	Xã đã được công nhận đạt chuẩn quốc gia về y tế	Đạt
		15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi).	$\leq 22\%$	Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể thấp còi là $102/505 = 20,1\%$.	Đạt
		15.4. Xã triển khai thực hiện sổ khám chữa bệnh điện tử	Đạt	Có kế hoạch tổ chức thực hiện	Đạt
16	Văn hóa	Tỷ lệ thôn, bản đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định, có kế hoạch và thực hiện kế hoạch xây dựng nông thôn mới	$\geq 75\%$	Có 10/11 thôn đạt chuẩn thôn VH = 90,9%	Đạt
17	Môi trường và an toàn thực phẩm	17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn	$\geq 45\%$, $\geq 20\%$ từ hệ thống cấp nước tập trung (không áp dụng đối với các xã thuộc Khu vực I của các huyện miền núi tại Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ)	Số hộ sử dụng nước hợp quy chuẩn là: $1.400 \text{ hộ}/1.494 \text{ hộ} = 93,7\%$. - Số hộ sử dụng nước sạch là: $938 \text{ hộ}/1.494 \text{ hộ} = 62,78\%$.	Đạt
		17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	$\geq 95\%$	51 hộ/51 hộ sản xuất KD đảm bảo VSMT = 100%	Đạt
		17.3. Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; không để xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung	Đạt	100% các tuyến đường được nạo vét thường xuyên, không tồn đọng nước thải sinh hoạt; Cảnh quan xanh, sạch, đẹp	Đạt
		17.4. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn	$\geq 2\text{m}^2/\text{người}$	Diện tích trồng cây xanh bình quân trên đầu người là $26.204 \text{ m}^2/6.718 \text{ người} = 3,9\text{m}^2$	Đạt
		17.5. Mai táng, hỏa táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch	Đạt	100% trường hợp mai táng, hỏa táng phù hợp với phong tục địa phương, đảm bảo VSMT theo ND số 23/2016/ND-CP	Đạt
		17.6. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định	$\geq 75\%$	75,7%	Đạt

		17.7. Tỷ lệ bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng và chất thải rắn y tế được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường	100%	Có 193 bể thu gom bao, gói thuốc BVTV, độ bao phủ là 3ha/1 bể; Chất thải rắn y tế được thu gom theo quy định.	Đạt
		17.8. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch.	≥85%	Số hộ có nhà tiêu đạt tiêu chuẩn 1325/1494 hộ, đạt 88,6 %; - Số hộ có nhà tắm đạt tiêu chuẩn 1367/1494 hộ, đạt 91,5 %; - Số hộ có bể nước đạt tiêu chuẩn 1390/1494 hộ, đạt 93,04 %.	Đạt
		17.9. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường	≥70%	Hiện nay đã có 629/802 cơ sở đạt 78,4%	Đạt
		17.10. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	100%	53 hộ/53 hộ thuộc ngành công thương; 16 hộ/16 hộ thuộc ngành NN; 07 hộ/07 hộ thuộc ngành y tế. 100% đảm bảo ATVSTP	Đạt
		17.11. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn	≥30%	Thực hiện được 583/1494 hộ = 39,02%	Đạt
		17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định	≥50%	Tỷ lệ khối lượng chất thải nhựa phát sinh được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định 7,5/13,6 tấn = 55,1%	Đạt
V. HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ					
18	Hệ thống tổ chức chính trị và tiếp cận pháp luật	18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn	Đạt	21/21 = 100% cán bộ, công chức; Đạt chuẩn về bằng cấp theo quy định	Đạt
		18.2. Đảng bộ, chính quyền xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	Đạt	Đạt	Đạt
		18.3. Tổ chức chính trị - xã hội của xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	100%	100%	Đạt

18.4. Tiếp cận pháp luật	a) Ban hành văn bản theo thẩm quyền để tổ chức và bảo đảm thi hành Hiến pháp và pháp luật trên địa bàn	Đạt	Đạt	
	b) Tiếp cận thông tin, hỗ biến, giáo dục pháp luật	Đạt	Đạt	
	c) Hòa giải ở cơ sở, trợ giúp pháp lý	Đạt	Đạt	Đạt
18.5. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; phòng chống xâm hại trẻ em; bảo vệ và hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn (nếu có); bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong gia đình và đời sống xã hội		Đạt	Không có BBD giới, tỉ lệ nữ cán bộ chủ chốt 1/11= 9,09 %. Tỉ số giới tính khi sinh là 51/47=108,5%; Có Kế hoạch và biện pháp bảo vệ trẻ em và người yếu thế; Tỉ lệ nữ giới tham gia HTX là 165/287 =57,69%	Đạt
18.6. Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bồi dưỡng kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho người dân, đào tạo nâng cao năng lực cộng đồng gắn với nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Phát triển thôn		Đạt	Hàng năm có XD KH tập huấn kiến thức về XDNTM. Năm 2023 mở 3 lớp với 270 học viên; 6 tháng năm 2024 mở 02 lớp với 224 học viên	Đạt

19	Quốc phòng và an ninh	19.1. Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng	Đạt	lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành 100% các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng	Đạt
		19.2. Không có hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia; không có khiêu khích đông người kéo dài trái pháp luật; không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội đặc biệt nghiêm trọng hoặc phạm các tội về xâm hại trẻ em; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc) và tai nạn giao thông, cháy, nổ được kiểm chế, giám so với năm trước; có một trong các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả	Đạt	Tình hình ANTT trên địa bàn xã được giữ vững, ổn định. Đạt tiêu chuẩn về ANTT, được cấp trên đánh giá cao và khen thưởng	Đạt